

## DANH MỤC THUỐC

| STT                              | TÊN THUỐC                      | HOẠT CHẤT                                        | ĐVT  | Q.cách  | DD   | NƯỚC SX  | GIÁ BÁN |
|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|------|---------|------|----------|---------|
| <b>I. THUỐC GIẢM ĐAU AN THẦN</b> |                                |                                                  |      |         |      |          |         |
| 1                                | Stugeron 25 mg                 | Cinnarizin 25mg                                  | Viên | H/250v  | Uống | Bỉ       | 1,500   |
| 2                                | Sulpiride 50                   | Sulpiride 50 mg                                  | Viên | H/ 50v  | Uống | Việt Nam | 1,000   |
| 3                                | Melatonin 5mg                  | Melatonin 5mg                                    | Viên | H/ 60v  | Uống | Mỹ       | 5,000   |
| 4                                | Zopistad 7.5mg                 | Zopiclon                                         | Viên | H/ 10v  | Uống | Việt Nam | 2,800   |
| 5                                | Mimosa                         | Cao bình vôi 49.5mg, Lá sen 180.0mg, Lạc tiên,.. | Viên | H/50v   | Uống | Việt Nam | 2,000   |
| 6                                | Fluotin 20mg                   | Fluoxetine 20mg                                  | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 2,500   |
| 7                                | Hoạt huyết dưỡng não bao đường | Cao Đinh lăng, Cao Bạch quả                      | Viên | H/ 100v | Uống | Việt Nam | 1,200   |
| 8                                | Stilux 60 mg                   | Rotundin 60mg                                    | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,500   |
| <b>II. KHÁNG SINH</b>            |                                |                                                  |      |         |      |          |         |
| 1                                | Zinnat 500mg                   | Cefuroxime 500mg                                 | Viên | H/10v   | Uống | Việt Nam | 28,500  |
| 2                                | Bicebid 200 mg                 | Cefixime 200 mg                                  | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 5,500   |
| 3                                | Biceflexin 500 mg              | Cephalexin 500 mg                                | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 2,500   |
| 5                                | Scanax 500                     | Ciprofloxacin 500 mg                             | Viên | H/50v   | Uống | Việt Nam | 1,500   |
| 6                                | Claritab 500 mg                | Clarythromycin 500 mg                            | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 10,500  |
| 7                                | Doxycyclin 100 mg              | Doxycyclin 100 mg                                | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,000   |
| 8                                | Metronidazol 250 mg            | Metronidazol 250mg                               | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,000   |
| 9                                | Tetracyclin 500 mg             | Tetracyclin 500 mg                               | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,000   |
| 10                               | Bifucil 500                    | Levofloxacin 500 mg                              | Viên | H/10V   | Uống | Việt Nam | 5,000   |
| 11                               | L-Stafloxin 500mg              | Levofloxacin 500 mg                              | Viên | H/14v   | Uống | Việt Nam | 3,000   |
| 12                               | Clyodas 150mg                  | Clindamycin 150 mg                               | Viên | H/50v   | Uống | Việt Nam | 2,000   |
| 13                               | Clyodas 300mg                  | Clindamycin 300 mg                               | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 3,000   |
| 14                               | Tinidazol 500 mg               | Tinidazol 500 mg                                 | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 1,500   |
| 15                               | Azicin 250 mg                  | Azithromycin 250 mg                              | Viên | H/6v    | Uống | Việt Nam | 4,500   |
| 16                               | Augbidil 625 mg                | Amoxicillin 500 mg, Acid clavulanic 125 mg       | Viên | H/14v   | Uống | Việt Nam | 9,000   |
| 17                               | Augbidil 1g                    | Amoxicilin 875 mg, Acid clavunalic 125 mg        | Viên | H/14v   | Uống | Anh      | 13,000  |
| 18                               | Augmentin 1g                   | Amoxicilin 875 mg, Acid clavunalic 125 mg        | Viên | H/14v   | Uống | Anh      | 28,000  |
| 19                               | Augmentin 625 mg               | Amoxicillin 500 mg, Acid clavulanic 125 mg       | Viên | H/14v   | Uống | Áo       | 17,000  |
| 20                               | Ospamox 500                    | Amoxicilin 500 mg                                | Viên | H/1000  | Uống | Việt Nam | 2,500   |
| 21                               | Amoxicillin 500mg              | Amoxicilin 500 mg                                | Viên | H/100   | Uống | Ấn Độ    | 1,200   |
| 22                               | Cefantif 300                   | Cefdinir 300 mg                                  | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 6,000   |
| 23                               | Tavanic 500 mg                 | Levofloxacin 500 mg                              | Viên | H/5v    | Uống | Pháp     | 60,000  |
| <b>III. KHÁNG DỊ ỨNG</b>         |                                |                                                  |      |         |      |          |         |
| 1                                | Celerzin 10 mg                 | Cetirizin 10mg                                   | Viên | H/20v   | Uống | Việt Nam | 500     |
| 2                                | Cetirizin 10mg                 | Cetirizin 10mg                                   | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 500     |
| 3                                | Chlorpheniramin 4mg            | Chlorpheniramin 4mg                              | Viên | H/200   | Uống | Việt Nam | 500     |
| 4                                | Usaallerz 120                  | Fexofenadine 120 mg                              | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 2,500   |

|                              |                              |                                                                                                                   |      |        |      |           |        |
|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|------|-----------|--------|
| 5                            | Usaallerz 60                 | Fexofenadine 60 mg                                                                                                | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam  | 1,800  |
| 6                            | Telfast HD 60mg              | Fexofenadine 60 mg                                                                                                | Viên | H/30v  | Uống | Pháp      | 5,000  |
| 7                            | Telfast HD 180mg             | Fexofenadine 180 mg                                                                                               | Viên | H/30v  | Uống | Pháp      | 10,000 |
| 8                            | Bilodin 10 mg                | Loratadin 10mg                                                                                                    | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam  | 1,000  |
| <b>IV. DẠ DÀY</b>            |                              |                                                                                                                   |      |        |      |           |        |
| 1                            | Motilium M 10 mg             | Domperidone 10mg                                                                                                  | Viên | H/100v | Uống | Bỉ        | 3,000  |
| 2                            | Esomeprazol MV 40 mg         | Esomeprazol 40 mg                                                                                                 | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam  | 2,500  |
| 3                            | Oraptic 20 mg                | Omeprazol 20 mg                                                                                                   | Viên | H/20v  | Uống | Việt Nam  | 1,500  |
| 4                            | Pantostad Cap 40mg           | Pantoprazol 40 mg                                                                                                 | Viên | H/28v  | Uống | Việt Nam  | 2,200  |
| 5                            | Pantoloc 40 mg               | Pantoprazol 40 mg                                                                                                 | Viên | H/7v   | Uống | Đức       | 22,000 |
| 6                            | Grafort 3g                   | Diocahedral smectite 3g                                                                                           | Gói  | H/20g  | Uống | Hàn Quốc  | 8,500  |
| 7                            | Mucosta 100mg                | Rebamipide                                                                                                        | Viên | H/100v | Uống | Hàn Quốc  | 5,000  |
| 8                            | MeteoSpasmyl                 | Alverin citrate 60 mg, Simethicone 300 mg                                                                         | Viên | H/20v  | Uống | Pháp      | 5,500  |
| 9                            | Phosphalugel                 | Colloidal aluminium phosphate gel 20 %                                                                            | Gói  | H/26g  | Uống | Pháp      | 6,000  |
| 10                           | SPA-AGI 40                   | Alverine citrate 40mg                                                                                             | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam  | 1,000  |
| 11                           | Nexium mups 40 mg            | Esomeprazol 40 mg                                                                                                 | Viên | H/14v  | Uống | Thụy Điển | 28,500 |
| 12                           | Sucrahasan gel 1 g           | Sucralfat 1g                                                                                                      | Gói  | H/30g  | Uống | Việt Nam  | 4,500  |
| 13                           | Cratsuca 1g                  | Sucralfat 1g                                                                                                      | Gói  | H/20g  | Uống | Đài Loan  | 6,500  |
| 14                           | Rabestad 20                  | Rabeprazol 20 mg                                                                                                  | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam  | 3,000  |
| 15                           | Rabepagi 20mg                | Rabeprazol 20 mg                                                                                                  | Viên | H/60v  | Uống | Việt Nam  | 3,500  |
| 16                           | Gaviscon suspension B/24 SAC | Natri alginate 500 mg,<br>Natribicarbonate 267 mg,<br>Calcicarbonate 160 mg                                       | Gói  | H/24g  | Uống | Anh       | 8,500  |
| 17                           | Varogel                      | Aluminum oxide (hydroxide gel) 0,04g; Magnesium hydroxide (30% paste) 0,08004g; Simethicone (30% Emulsion) 0,008g | Gói  | H/20v  | Uống |           | 3,500  |
| 18                           | Yumangel 1g/15ml             | Almagate                                                                                                          | Gói  | H/20v  | Uống | Hàn Quốc  | 6,000  |
| 19                           | Trymo 120 mg                 | Tripotassium dicitrate bismuthate 120mg                                                                           | Viên | H/112v | Uống | Ấn Độ     | 4,000  |
| 20                           | Bisnol 120mg                 | Tripotassium dicitrate bismuthate 120mg                                                                           | Viên | H/60v  | Uống | Việt Nam  | 5,300  |
| 21                           | Air-X Tablets                | Simethicon 80 mg                                                                                                  | Viên | H/100v | Nhai | Thái      | 1,200  |
| 22                           | Kremil-s united              | Nhôm Hydroxide 178mg; Magie Hydroxide 233mg; Simethicone 30mg                                                     | Viên | H/100v | Nhai | Việt Nam  | 1,500  |
| 23                           | Cimetidin 300mg              | Cimetidin 300mg                                                                                                   | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam  | 1,500  |
| 24                           | Pariet 20 mg                 | Rabeprazole sodium 20 mg                                                                                          | Viên | H/14v  | Uống | Nhật Bản  | 26,000 |
| 25                           | Rabicađ 20 Cadila            | Rabeprazole 20mg                                                                                                  | Viên | H/100v | Uống | Ấn Độ     | 10,500 |
| 26                           | Dompenyl - M                 | Domperidion maleat 12.72 mg (tương đương Domperidon 10 mg)                                                        | Viên | H/100v | Uống | Hàn Quốc  | 1,000  |
| 27                           | Gasmotin 5 mg                | Mosapride citrat                                                                                                  | Viên | H/30v  | Uống | Nhật Bản  | 6,500  |
| 28                           | Pentasa 500mg                | Mesalazin                                                                                                         | Viên | H/100v | Uống | Thụy Sĩ   | 15,500 |
| <b>V. TIÊU HÓA-TIẾT NIỆU</b> |                              |                                                                                                                   |      |        |      |           |        |
| 1                            | Imodium 2 mg                 | Loperamid 2mg                                                                                                     | Viên | H/100v | Uống | Bỉ        | 3,500  |
| 2                            | Forlax 10 g                  | Macrogol 4000                                                                                                     | Gói  | H/20g  | Uống | Pháp      | 6,000  |
| 3                            | Urdoc 300mg                  | Acid ursodeoxycholic 300mg                                                                                        | Viên | H/80v  | Uống | VN        | 14,000 |

|                             |                           |                                                                                                                                                                           |      |         |      |          |         |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|------|----------|---------|
| 4                           | Smecta orage              | Smectite 3g                                                                                                                                                               | Gói  | H/30g   | Uống | Pháp     | 5,500   |
| 5                           | Rowatinex 250 mg          | Pinene 31 mg, Camphene 15 mg, và các terpens khác                                                                                                                         | Viên | H/100v  | Uống | Ireland  | 5,000   |
| 6                           | Ketosteril                | 75 mg L- lysine, 50 mg Calcium                                                                                                                                            | Viên | H/100v  | Uống | Đức      | 19,000  |
| 7                           | Domitazol                 | Bromo camphor 20 mg, Methylene blue 20 mg                                                                                                                                 | Viên | H/50v   | Uống | Việt Nam | 3,000   |
| 8                           | Buscopan 20 mg/1ml        | Hyoscine-N-butylbromide 20mg/1ml                                                                                                                                          | Ống  | H/10ống | Tiêm | Đức      | 36,000  |
| 9                           | Neopeptine cap            | Alpha-amylase 100 mg, Papain 100 mg, Simethicone 30 mg                                                                                                                    | Viên | H/100v  | Uống | Ấn Độ    | 2,500   |
| 10                          | Lacbiosyn                 | Lactobacillus acidophylus, Lactobacilus sporogenes...                                                                                                                     | Gói  | H/100g  | Uống | Việt Nam | 1,500   |
| 11                          | Biolac vi                 | Lactobacillus acidophylus, Lactobacilus sporogenes...                                                                                                                     | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,000   |
| 12                          | Grazyme Gracure           | Papain 100mg, Simethicone 30mg, alpha-Amylase 100mg                                                                                                                       | Viên | H/30v   | Uống | Ấn Độ    | 4,500   |
| 13                          | Normagut 250mg mega       | Saccharomyces boulardii                                                                                                                                                   | Viên | H/30v   | Uống | Thái Lan | 8,000   |
| 14                          | Duphalac 15 ml            | Lactulose 10g                                                                                                                                                             | Gói  | H/20g   | Uống | Hà Lan   | 8,700   |
| 15                          | Sorbitol                  | sorbitol 5g                                                                                                                                                               | Gói  | H/20g   | Uống | Việt Nam | 1,200   |
| 16                          | Oresol                    | Natri clorid, glucose khan, natri citrat, kali clorid                                                                                                                     | Gói  | H/20g   | Uống | Việt Nam | 2,000   |
| 17                          | Simethicon Stella 15ml    | Simethicon                                                                                                                                                                | Chai | Chai    | Uống | Việt Nam | xuất NB |
| 18                          | Buscopan 10 mg            | Hyoscine Butylbromide 10 mg                                                                                                                                               | Viên | H/100v  | Uống | Đức      | 2,000   |
| 19                          | Debridat 100 mg           | Trimebutine maleat 100 mg                                                                                                                                                 | Viên | H/30v   | Uống | Pháp     | 4,000   |
| 21                          | No-spa Forte 80mg         | Drotaverine hydrochloride 80 mg                                                                                                                                           | Viên | H/20v   | Uống |          | 1,500   |
| 22                          | Elthon                    | Itoprid 50mg                                                                                                                                                              | Viên | H/20v   | Uống | Pháp     | 7,000   |
| 23                          | Xatral 10mg               | Alfuzosin 10mg                                                                                                                                                            | Viên | H/30V   | Uống | Pháp     | 20,000  |
| 24                          | Avodar 0.5mg              | Dutasterid                                                                                                                                                                | Viên | H/30V   | Uống | Ba Lan   | 21,000  |
| 25                          | Agitritine                | Trimebutine maleat 100mg                                                                                                                                                  | Viên | H/100v  | Uống | Việt Nam | 1,500   |
| 26                          | Enterogemina 2billion/5ml | bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausil                                                                                                                               | Ống  | H/20ô   | Uống | Pháp     | 10,000  |
| 27                          | Enterogemina 4billion/5ml | bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausil                                                                                                                               | Ống  | H/20ô   | Uống | Pháp     | 17,000  |
| 28                          | Orlistax 120mg            | Orlistax 120mg                                                                                                                                                            | Viên | Hộp/42v | Uống | Việt Nam | 13,000  |
| <b>VI. GIUN SÁN</b>         |                           |                                                                                                                                                                           |      |         |      |          |         |
| 1                           | Zentel 200 mg             | Albendazol 200mg                                                                                                                                                          | Viên | H/2V    | Uống | Việt Nam | 8,500   |
| 2                           | Fugacar                   | Mebendazol 500mg                                                                                                                                                          | Viên | H/1V    | Uống | Thái Lan | 25,000  |
| <b>VII. NHÓM HỖ TRỢ GAN</b> |                           |                                                                                                                                                                           |      |         |      |          |         |
| 1                           | Liver galon               | Silymarin 70 mg, Cardus Marianus 100 mg, L-Lysin HCL 20 mg, Methionin 10mg, Thiamin Hydroclorid 2 mg, Riboflavin 2 mg, Calci pantothenat 2 mg, Pyridoxin Hydroclorid 2 mg | Viên | H/30v   | Uống | Việt Nam | 2,500   |
| 2                           | Arginin 500mg             | L-Arginine Hydrochlorid                                                                                                                                                   | Viên | H/60v   | Uống | Việt Nam | 3,000   |
| 3                           | VG-5                      | Cao khô Diệp hạ châu 100mg, Cao khô Cỏ nhọ nôi 50mg, Cao khô Nhân trần 130mg, Cao khô Râu báp 50mg                                                                        | Viên | H/40v   | Uống | Việt Nam | 1,500   |

|                                   |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
|-----------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|------|----------|--------|
| 4                                 | Daisogalon             | Silymarin 70 mg, Cardus Marianus 100 mg, L-Lysin HCL 20 mg, Methionin 10mg, Thiamin Hydroclorid 2 mg, Riboflavin 2 mg, Calci pantothenat 2 mg, Pyridoxin Hydroclorid 2 mg | Viên | H/60v  | Uống | Việt Nam | 2,000  |
| 5                                 | Bar                    | Cao đặc Artiso 100 mg,Cao đặc Biền súc 75 mg,Bột Bim Bim 75 mg                                                                                                            | Viên | H/60v  | Uống | Việt Nam | 500    |
| <b>VIII. NHÓM GIẢM ĐAU-HẠ SỐT</b> |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
| 1                                 | Alaxan                 | Paracétamol 325mg, Ibuprofène 200mg 325mg, Ibuprofène 200mg                                                                                                               | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 1,500  |
| 2                                 | Decolgen ND No drowse  | Paracetamol 500 mg, Phenylephrine Hydrochlorid 10 mg                                                                                                                      | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 4,500  |
| 3                                 | Efferalgan 500 mg      | Paracetamol 500mg                                                                                                                                                         | Viên | H/16v  | Uống | Pháp     | 3,500  |
| 4                                 | Panadol                | Paracetamol 500 mg                                                                                                                                                        | Viên | H/120v | Uống | Malaysia | 1,500  |
| 5                                 | Partamol Tab 500mg     | Paracetamol 500 mg                                                                                                                                                        | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 1,000  |
| 6                                 | Panadol Extra          | Paracetamol 500 mg, Caffeine 65 mg                                                                                                                                        | Viên | H/180v | Uống | Malaysia | 2,000  |
| 7                                 | Ultracet               | Tramadol HCl 37.5 mg, paracetamol 325 mg                                                                                                                                  | Viên | H/30v  | Uống | Hàn Quốc | 13,000 |
| <b>IX. NHÓM KHÁNG VIÊM NSAID</b>  |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
| 1                                 | Agilecox 200 mg        | Celecoxib 200mg                                                                                                                                                           | Viên | H/40v  | Uống | Việt Nam | 2,500  |
| 2                                 | Celebrex 200mg         | Celecoxib 200mg                                                                                                                                                           | Viên | H/30v  | Uống | Mỹ       | 15,500 |
| 3                                 | Bidacin 50 mg          | Diacerin 50 mg                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 3,500  |
| 4                                 | Voltaren 75 mg         | Diclofenac 75 mg                                                                                                                                                          | Viên | H/100v | Uống | Ý        | 8,500  |
| 5                                 | Agietoxib 60 mg        | Etoricoxib 60mg                                                                                                                                                           | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 6,500  |
| 6                                 | Mobic 15 mg            | Meloxicam 15 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/20v  | Uống | Pháp     | 21,000 |
| 7                                 | Brexin 20 mg           | Piroxicam 20 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/20v  | Uống | Đức      | 11,000 |
| 8                                 | Piroxicam 20 mg        | Piroxicam 20 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 1,000  |
| 9                                 | Aspirin 81             | Acid Acetylsalycylic                                                                                                                                                      | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 500    |
| 10                                | Mobic 7.5 mg           | Meloxicam 7.5 mg                                                                                                                                                          | Viên | H/20v  | Uống | Pháp     | 12,000 |
| <b>X. NHÓM KHÁNG VIÊM STEROID</b> |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
| 1                                 | Medrol 16 mg           | Methylprednisolon 16mg                                                                                                                                                    | Viên | H/30v  | Uống | Ý        | 5,500  |
| 2                                 | Medrol 4 mg            | Methylprednisolon 4mg                                                                                                                                                     | Viên | H/30v  | Uống | Ý        | 1,500  |
| 3                                 | Soli-Medon 16          | Methylprednisolon 16mg                                                                                                                                                    | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 4,000  |
| 4                                 | Prednisolon 5 mg       | Prednisolon 5mg                                                                                                                                                           | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 500    |
| <b>XI. KHÁNG VIÊM DẠNG MEN</b>    |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
| 1                                 | Alphachymotrypsin 4200 | Alphachymotrypsin 42 microkatsals                                                                                                                                         | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 1,500  |
| 2                                 | Usatrypsin Fort        | Alphachymotrypsin 42 microkatsals                                                                                                                                         | Viên | H/20v  | Uống | Việt Nam | 2,500  |
| <b>XII. NHÓM ĐT CAO HUYẾT ÁP</b>  |                        |                                                                                                                                                                           |      |        |      |          |        |
| 1                                 | Lostad 50 mg           | Losartan 50mg                                                                                                                                                             | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 3,000  |
| 2                                 | Lostad 25 mg           | Losartan 25 mg                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam | 2,000  |
| 3                                 | Ambidil 5              | Amlordipin 5 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/100v | uống | Việt Nam | 1,000  |
| 4                                 | Amlor tab 5            | Amlordipin 5 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/30v  | Uống | Pháp     | 10,000 |
| 5                                 | Captopril Stella 25 mg | Captopril 25 mg                                                                                                                                                           | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 1,000  |
| 6                                 | Enalapril Stella 5mg   | Enalapril maleat 5mg                                                                                                                                                      | Viên | H/30v  |      |          | 1,000  |
| 7                                 | Felodipin Stada 5 mg   | Felodipin 5 mg                                                                                                                                                            | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam | 2,000  |
| 8                                 | Adalat LA 30mg         | Nifedipin 30mg                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Đức      | 12,300 |

|                                    |                            |                                                                              |      |         |         |             |        |
|------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|---------|---------|-------------|--------|
| 9                                  | Dorocardyl 40 mg           | Propranolol hydrochlorid 40 mg                                               | Viên | H/100v  | Uống    | Việt Nam    | 3,000  |
| 10                                 | Bisoprolol 2.5 mg          | Bisoprolol Fumarate 2.5 mg                                                   | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 1,000  |
| 11                                 | Telmisartan Stella 40 mg   | Telmisartan 40 mg                                                            | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 4,000  |
| 12                                 | Concor 2,5 mg              | Bisoprolol 2,5mg                                                             | Viên | H/30v   | Uống    | Áo          | 4,500  |
| 13                                 | Concor 5 mg                | Bisoprolol 5mg                                                               | Viên | H/30v   | Uống    | Áo          | 6,000  |
| 14                                 | Nebivolol Stella 5mg       | Nebivolol 5mg                                                                | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 3,500  |
| 15                                 | Dopegyt 250mg              | Methyldopa 250mg                                                             | Viên | H/100v  | Uống    | Việt Nam    | 4,500  |
| 16                                 | Twynsta 40/5mg             | Amlodipin 5mg, Telmisartan 40mg                                              | Viên | H/98v   | Uống    | Đức         | 17,500 |
| 17                                 | Triplixam 5mg/1.25mg/10mg  | Perindopril, Indapamid, Amlodipine                                           | Viên | H/30v   | Uống    | Pháp        | 11,200 |
| 18                                 | Triplixam 5mg/1.25mg/5mg   | Perindopril, Indapamid, Amlodipine                                           | Viên | H/30v   | Uống    | Pháp        | 12,200 |
| 19                                 | Aprovel 150mg              | Irbesartan 150mg                                                             | Viên | H/28v   | Uống    | Pháp        | 13,000 |
| 20                                 | Aprovel 300mg              | Irbesartan 300mg                                                             | Viên | H/28v   | Uống    | Pháp        | 20,000 |
| 21                                 | Combizar 50/12.5mg         | Lostad 50, Hydrochlorothiazide 12.5                                          | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 3,500  |
| 22                                 | Betaloc Zok 25mg           | Metoprolol tartrate                                                          | Viên | H/30v   | Uống    | Thụy Điển   | 6,500  |
| 23                                 | Micardis Plus 40mg/12.5mg  | Hydrochlorothiazide 12.5mg, Telmisartan 40mg                                 | Viên | H/30v   | Uống    | Đức         | 13,500 |
| <b>XIII. THUỐC TRỊ TIỂU ĐƯỜNG</b>  |                            |                                                                              |      |         |         |             |        |
| 1                                  | Diamicron 60 mg            | Glyclazid 60mg                                                               | Viên | H/30v   | Uống    | Pháp        | 7,000  |
| 2                                  | Diamicron MR 30mg          | Glyclazid 30mg                                                               | Viên | H/60v   | Uống    | Pháp        | 3,500  |
| 3                                  | Glucophage 1000            | Metformin hydrochloride 1000 mg                                              | Viên | H/30v   | Uống    | Pháp        | 5,000  |
| 4                                  | Glucophage 500 mg          | Metformin hydrochloride 500 mg                                               | Viên | H/50v   | Uống    | Pháp        | 2,000  |
| 5                                  | Glucophage 850 mg          | Metformin hydrochloride 850 mg                                               | Viên | H/100v  | Uống    | Pháp        | 4,600  |
| 6                                  | Galvus 50mg                | Vildagliptin 50mg                                                            | Viên | H/28v   | Uống    | Tây Ban Nha | 11,000 |
| 7                                  | Zlatko 25                  | Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg                 | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 6,500  |
| 8                                  | Zlatko 50                  | Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg                 | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 8,000  |
| 9                                  | Forxiga 10mg               | Dapagliflozin                                                                | Viên | H/28v   | Uống    | Mỹ          | 23,000 |
| 10                                 | Jardiance 10mg             | Empagliflozin 10mg                                                           | Viên | H/30v   | Uống    | Đức         | 29,000 |
| 11                                 | Jardiance 12.5/1000mg      | Empagliflozin, Metformin                                                     | Viên | H/30v   | Uống    | Đức         | 19,000 |
| 12                                 | Trajenta 5mg               | Linagliptin 5                                                                | Viên | H/30v   | Uống    | Đức         | 22,000 |
| 13                                 | Xigduo XR 10/1000mg        | dapagliflozin + metformin hydroclorid                                        | Viên | Hộp/28v | Uống    | Mỹ          | 29,200 |
| <b>XIV. NHÓM TRỊ ĐAU THẮT NGỰC</b> |                            |                                                                              |      |         |         |             |        |
| 1                                  | Trimetazidine Stella 35 mg | Trimetazidine 35mg                                                           | Viên | H/60v   | Uống    | Việt Nam    | 1,000  |
| 2                                  | Trimetazidine Stella 20 mg | Trimetazidine 20 mg                                                          | Viên | H/60v   | Uống    | Việt Nam    | 700    |
| 3                                  | Pfizer                     | Clopidogrel 75mg; Aspirin 75mg                                               | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 7,000  |
| 4                                  | Clopidast Stella 75        | Clopidogrel 75mg                                                             | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 5,500  |
| 5                                  | BEATIL 4mg/5mg             | Perindopril tert- butylamin 4mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5mg | Viên | H/30v   | Uống    |             | 7,000  |
| 6                                  | Imdur Tab 30mg             | Isosorbid 30mg                                                               | Viên | H/30v   | Uống    | Trung Quốc  | 5,000  |
| 7                                  | Diltiazem Stella 60mg      | Diltiazem hydrochloride 60mg                                                 | Viên | H/30v   | Uống    | Việt Nam    | 1,500  |
| <b>XV. THUỐC DỪNG CHO MÁT</b>      |                            |                                                                              |      |         |         |             |        |
| 1                                  | Acetazolamid 250 mg        | Acetazolamid 250 mg                                                          | Viên | H/100v  | Uống    | Việt Nam    | 1,500  |
| 2                                  | Kary Uni 0,05 mg/1 ml      | Pirenexine                                                                   | Chai | Chai    | Nhỏ mắt | Nhật Bản    | 42,000 |

|                                       |                                    |                                                                                    |      |        |         |            |         |
|---------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|---------|------------|---------|
| 3                                     | Oflovid 0,3% 5ml                   | Ofloxacin: 0,3%                                                                    | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Nhật Bản   | 65,000  |
| 4                                     | Refresh Tears 0,5% 15ml            | Carboxymethylcellulose Natri 0,5%                                                  | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Mỹ         | 90,000  |
| 5                                     | Sanlein Eye Drop 0,1% x 5ml        | Natri hyaluronat 0,1%                                                              | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Nhật Bản   | 80,000  |
| 6                                     | Eyetamin                           | Vitamin B1 5mg, Vitamin B2 0.5 mg, Vintamin PP 40 mg                               | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Việt Nam   | 25,000  |
| 7                                     | TobraDex Drop 5 ml                 | Tobramycin 0.3%,Dexamethasone 0.1%                                                 | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Bỉ         | 55,000  |
| 8                                     | Tobidex 5ml                        | Dexamethason natri phosphat, Tobramycin                                            | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Việt Nam   | 10,000  |
| 9                                     | Natri clorid 0.9% - 10ml           | Natri clorid 90mg                                                                  | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Việt Nam   | 4,000   |
| 10                                    | Timolol Maleate Eye Drops 0.5% 5ml | Timolol 0.5%                                                                       | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Bỉ         | 50,000  |
| 11                                    | Pred Forte 1% 5ml                  | prednisolone acetate 1%                                                            | Chai | Chai   | Nhỏ mắt | Mỹ         | 47,000  |
| <b>XVI. THUỐC DÙNG CHO TAI</b>        |                                    |                                                                                    |      |        |         |            |         |
| 1                                     | Otifar                             | Chloramphenicol 80mg, Dexamethason 4mg                                             | Chai | Chai   | Nhỏ tai | Việt Nam   | 6,000   |
| <b>XVII. THUỐC ĐIỀU TRỊ HEN</b>       |                                    |                                                                                    |      |        |         |            |         |
| 1                                     | Asthmatin 10 mg                    | Montelukast 10 mg                                                                  | Viên | H/30v  | Uống    | Việt Nam   | 5,500   |
| 2                                     | Singulair 10mg                     | Montelukast 10 mg                                                                  | Viên | H/28v  | Uống    | Anh        | 18,000  |
| 3                                     | Bambec 10 mg                       | Bambuterol 10 mg                                                                   | Viên | H/30v  | Uống    | Trung Quốc | 7,500   |
| 4                                     | Theostat LP 100mg                  | Theophylin 100mg                                                                   | Viên | H/30v  | Uống    | Pháp       | 2,500   |
| <b>XVIII. THUỐC LONG ĐÀM, GIẢM HO</b> |                                    |                                                                                    |      |        |         |            |         |
| 1                                     | Neo codion                         | Codein camphosulfonate, sulfogaicol, cao mềm Grindelia                             | Viên | H/20v  | Uống    | Pháp       | 10,000  |
| 2                                     | Acecyst 200mg                      | Acetylcystein 200mg                                                                | Viên | H/100v | Uống    | Việt Nam   | 1,000   |
| 3                                     | Dextromethorphan 15mg              | Dextromethorphan 15mg                                                              | Viên | H/100v | Uống    | Việt Nam   | 500     |
| 4                                     | Bisolvon                           | Bromhexin hydrochloride 8 mg                                                       | Viên | H/30v  | Uống    | Ấn Độ      | 2,500   |
| 5                                     | Bromhexin 8 mg                     | Bromhexin 8 mg                                                                     | Viên | H/30v  | Uống    | Việt Nam   | 500     |
| 6                                     | Eugica Fort                        | Eucalyptol 100mg, Menthol 0.5mg. Tinh dầu tần 0.36mg, tinh dầu gừng, tinh dầu trầm | Viên | H/100v | Uống    | Việt Nam   | 1,000   |
| 7                                     | Eugica VNA                         | Eucalyptol 100mg, Menthol 0.5mg. Tinh dầu tần 0.18mg, tinh dầu gừng                | Viên | H/100v | Uống    | Việt Nam   | 1,000   |
| 8                                     | Tyrotab vi                         | Tetracain, Tyrothricin                                                             | Viên | H/80v  | Ngậm    | Việt Nam   | 500     |
| 9                                     | Dorithricine                       | Tyrothricin (0.5 mg), Benzalkonium chlorid (1.0 mg) và Benzocain (1.5 mg).         | Viên | H/20v  | Ngậm    | Đức        | 3,700   |
| 10                                    | Strepsil Cool                      | 2,4-DICHLOROBENZYL ALCOHOL 1,2mg, AMYLMETACRESOL 0,6mg, MENTHOL 7,0mg              | Viên | H/24v  | Ngậm    | Thái Lan   | 4,000   |
| 11                                    | Strepsil Original                  | 2,4-Dichlorobenzyl Alcohol, Amylmetacresol                                         | Viên | H/100g | Ngậm    | Thái Lan   | 4,000   |
| 12                                    | Strepsil Maxpro                    | Flurbiprofen                                                                       | Viên | H/16v  | Ngậm    | Thái Lan   | 4,000   |
| 13                                    | Symbicort 60                       | Budesonide 160mcg, Formoterol fumarat 4.5mcg                                       | Chai | Chai   | Xịt     | Thụy Sĩ    | 350,000 |
| 14                                    | Terpincodein F                     | Terpin hydrat 200 mg, Codein 5 mg.                                                 | Viên | H/100v | Uống    | VN         | 1,500   |

| XVIII.THUỐC CẢM MÁU VÀ TRỢ TÍNH MẠCH |                                       |                                                    |      |               |            |             |         |
|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|------|---------------|------------|-------------|---------|
| 1                                    | Transamin 500 mg                      | Acide tranexamique 500 mg                          | Viên | H/100v        | Uống       | Thái Lan    | 5,500   |
| 3                                    | Daflon 500mg                          | Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế                | Viên | H/60v         | Uống       | Pháp        | 5,000   |
| 4                                    | Diosmin 500mg                         | Diosmin 450mg Hesperidin 50mg                      | Viên | H/60v         | Uống       | Việt Nam    | 3,000   |
| 5                                    | Ginkor Fort                           | Heptaminol 0.3g, Bạch quả 0.014g, Troxérutine 0.3g | Viên | H/30v         | Uống       | Pháp        | 4,500   |
| 7                                    | Rutin -Vitamin C                      | Rutin anhydrous 50 mg, Vitamin C 50 mg             | Viên | H/100v        | Uống       | Việt Nam    | 500     |
| XX. HORMON & THUỐC KHÁNG HORMON      |                                       |                                                    |      |               |            |             |         |
| 1                                    | Levothyrox 50 mcg 2x15'S              | Levothyrox 50 mcg                                  | Viên | H/30v         | Uống       | Đức         | 1,800   |
| 2                                    | Levothyrox 100 mcg 2x15'S             | Levothyrox 100mg                                   | Viên | H/30v         | Uống       | Đức         | 2,500   |
| 3                                    | Thyrozol 5 mg                         | Thiamazol 5 mg                                     | Viên | H/100v        | Uống       | Đức         | 2,000   |
| XXI. THUỐC TRỊ SAY TÀU XE            |                                       |                                                    |      |               |            |             |         |
| 1                                    | Nautamin 90 mg                        | Diphenhydramin 90mg                                | Viên | H/80v         | Uống       | Việt Nam    | 4,000   |
| XXII. THUỐC DÙNG NGOÀI               |                                       |                                                    |      |               |            |             |         |
| 1                                    | Acyclovir Cream 5g                    | Acyclovir                                          | Tuýp | Tuýp          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 25,000  |
| 2                                    | Povidin 10% 90ml                      | Povidon iodin 10g                                  | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 20,000  |
| 3                                    | Povidin 10% 20ml                      | Povidon iodin 10g                                  | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 8,500   |
| 4                                    | Alcol                                 |                                                    | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 6,000   |
| 5                                    | Clorhexidine Gluconate 0.12% Sagopha  | Clorhexidine Gluconate 0.12% Sagopha               | Chai | Chai          | Súc miệng  | Việt Nam    | 66,000  |
| 6                                    | Nước súc miệng KIN                    | Chlorhexidine DG Fluoide                           | Chai | Chai          | Súc miệng  | Tây Ban Nha | 140,000 |
| 7                                    | Ginex Nano                            | Nghệ, nha đam                                      | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 180,000 |
| 8                                    | Dầu Khuynh Diệp 15ml                  |                                                    | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 48,000  |
| 9                                    | Dầu Khuynh Diệp 25ml                  |                                                    | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 78000   |
| 10                                   | Gynofar 250ml                         | Đồng sulfat 0.625 g                                | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 20,000  |
| 11                                   | Natriclorid 0.9% -500ml (dùng ngoài)  | Natri clorid                                       | Chai | Thùng/20c hai | Dùng ngoài | Việt Nam    | 8,000   |
| 12                                   | Natriclorid 0.9% -1000ml (dùng ngoài) | Natri clorid                                       | Chai | Thùng/12c hai | Dùng ngoài | Việt Nam    | 15,000  |
| 13                                   | Oxy già                               |                                                    | Chai | Chai          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 3,000   |
| 14                                   | Voltarel emulgel                      | Diclofenac diethylamine 1.16g/100g                 | Tuýp | Tuýp          | Dùng ngoài | Thụy Sĩ     | 80,000  |
| 15                                   | Dermatix Ultra Gel 7 g                | Cyclic, Polymeric siloxanes, vit C este            | Tuýp | Tuýp          | Dùng ngoài | Mỹ          | 220,000 |
| 16                                   | Silkeron                              | Gentamycin, clotrimazole, betamethason             | Tuýp | Tuýp          | Dùng ngoài | Việt Nam    | 19,000  |
| XXIII.THUỐC ĐIỀU TRỊ MỖ MÁU          |                                       |                                                    |      |               |            |             |         |
| 1                                    | Crestor 5 mg                          | Rosuvastatin 5 mg                                  | Viên | H/28v         | Uống       | Thổ Nhĩ Kỳ  | 10,000  |
| 2                                    | Crestor 10mg                          | Rosuvastatin 10 mg                                 | Viên | H/28v         | Uống       | Thổ Nhĩ Kỳ  | 13,500  |
| 3                                    | Rosuvastatin Stada 10mg               | Rosuvastatin 10 mg                                 | Viên | H/30v         | Uống       | Việt Nam    | 4,000   |
| 4                                    | Lipanthyl Supra 160 mg                | Fenofibrate 160 mg                                 | Viên | H/30v         | Uống       | Pháp        | 15,000  |

|                                        |                           |                                                                                                                                                                        |      |          |      |           |        |
|----------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|------|-----------|--------|
| 5                                      | Lipanthyl Supra 200 mg    | Fenofibrate 200 mg                                                                                                                                                     | Viên | H/30v    | Uống | Pháp      | 11,500 |
| 6                                      | Statinagi 10 mg           | Rosuvastatin 10 mg                                                                                                                                                     | Viên | H/60v    | Uống | Việt Nam  | 1,700  |
|                                        | Statinagi 20 mg           | Rosuvastatin 20 mg                                                                                                                                                     | Viên | H/60v    | Uống | Việt Nam  | 2,800  |
| 7                                      | Atorlog 20 mg             | Atorvastatine 20 mg                                                                                                                                                    | Viên | H/30v    | Uống | Việt Nam  | 2,500  |
| <b>XXIV. VITAMIN &amp; KHOÁNG CHẤT</b> |                           |                                                                                                                                                                        |      |          |      |           |        |
| 1                                      | Galanmer                  | Mecobalamim 500 mcg                                                                                                                                                    | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 2,000  |
| 2                                      | Centrum                   | Vitamin A, C, D, E, K,...                                                                                                                                              | Viên | H/30v    | Uống | Thái Lan  | 7,700  |
| 3                                      | Centrum Silver 50+        | Vitamin A, C, D, E, K,...                                                                                                                                              | Viên | H/30v    | Uống | Thái Lan  | 8,300  |
| 4                                      | Hasan C                   | Vitamin C 0,5 g                                                                                                                                                        | Viên | H/10v    | Uống | Việt Nam  | 1,500  |
| 5                                      | BeroCa                    | Vitamin B12, Kẽm, Magnesium, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin C, Biotin, Vitamin B9, Vitamin B5, Vitamin B3, Calci                                          | Viên | H/10v    | Uống | Indonesia | 9,000  |
| 6                                      | Calcicorbiere Extra 10 ml | Calcicorbiere 10 ml                                                                                                                                                    | Ống  | H/30     | Uống | Việt Nam  | 8,000  |
| 7                                      | Calcicorbiere 5 ml        | Calcicorbiere 5 ml                                                                                                                                                     | Ống  | H/30     | Uống | Việt Nam  | 6,500  |
| 8                                      | Fatig                     | Hoạt chất: Magnesi gluconat 0,426g, Calci glycerophosphat 0,456g<br>Tá dược: Dung dịch sorbitol (70%) (không tinh thể hóa), sucrose, natri benzoat (E211), natri metyl | Ống  | H/20 ống | Uống | Pháp      | 7,500  |
| 9                                      | Ferrovit                  | Iron, Folic Acid, Vitamin B12 Formula                                                                                                                                  | Viên | H/50V    | Uống | Việt Nam  | 2,000  |
| 10                                     | Zedcal                    | Kẽm, Magnesium, Vitamin D3, Calcium                                                                                                                                    | Viên | H/30V    | Uống | Ấn Độ     | 7,200  |
| 11                                     | Calci - D                 | Calci gluconat 500mg, Vitamin D3                                                                                                                                       | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 500    |
| 12                                     | Calcium stella 500mg      | Calci carbonat                                                                                                                                                         | Viên | H/20v    | Uống | Việt Nam  | 6,000  |
| 13                                     | Magnesi B6                | Magnesium lactat dihydrat 470 mg<br>Pyridoxin hydrochlorid 5 mg                                                                                                        | Viên | H/50v    | Uống | Việt Nam  | 1,000  |
| 14                                     | Upsa C 1 g                | Acide ascorbique 1 g                                                                                                                                                   | Viên | H/10V    | Uống | Pháp      | 4,500  |
| 15                                     | Vitamin C 500mg           | Vitamin C 500mg                                                                                                                                                        | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 500    |
| 16                                     | Vitamin C 1000mg          | Vitamin C 1000mg                                                                                                                                                       | Viên | H/16V    | Uống | Việt Nam  | 2,300  |
| 17                                     | Neutrifore                | Vitamin B1, B6, B12                                                                                                                                                    | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 2,500  |
| 18                                     | Amepox 500 mg             | L-cystine 500 mg                                                                                                                                                       | Viên | H/100v   | Uống | Hàn Quốc  | 4,000  |
| 19                                     | Aimipox 500mg             | L-cystine 500 mg                                                                                                                                                       | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 4,000  |
| 20                                     | Enat 400 mg               | Vitamin E 400 I.U.                                                                                                                                                     | Viên | H/30v    | Uống | Thái Lan  | 5,000  |
| 21                                     | Vitamin PP 500 mg         | Vitamin PP 500 mg                                                                                                                                                      | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 500    |
| 22                                     | Bidivit AD                | Vitamin A, D2                                                                                                                                                          | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 1,000  |
| 23                                     | Tobicom                   | Vitamin A, Vitamin B2, Natri chondroitin Sulfat, Cholin bitartrat, Thiamin hydrochlorid                                                                                | Viên | H/180v   | Uống | Việt Nam  | 4,000  |
| 24                                     | Nilidon- MDP              | Thymomodulin 80mg                                                                                                                                                      | Viên | H/100v   | Uống | Việt Nam  | 3,000  |

|                                            |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
|--------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|------|-------------|---------|
| 25                                         | Moriamin Forte                        | Lysin, L-Leucin, L-Isoleucin, Vitamin B12, Vitamin A, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin C, Vitamin D2, Vitamin E, Vitamin PP, Methionin, Vitamin B9, Calci pantothenat, L-Phenylalanin, L-Threonin, L-Valin, L-Tryptophan, Acid 5-Hydroxyanthranilic Hydroclorid | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam    | 4,500   |
| 26                                         | Tozinax 10 mg                         | Kẽm gluconate 70 mg                                                                                                                                                                                                                                                        | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam    | 1,000   |
| 27                                         | Fucoimaitake                          | Fucoidan 300mg, Nấm maitake 250mg                                                                                                                                                                                                                                          | Viên | H/120v | Uống | Mỹ          | 35,000  |
| <b>XXV.THUỐC CÓ NGUỒN GỐC TỪ DƯỢC LIỆU</b> |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Tanakan 40 mg                         | Cao ginkgo biloba 40mg                                                                                                                                                                                                                                                     | Viên | H/30v  | Uống | Pháp        | 5,500   |
| 2                                          | Crila Fort                            | Trinh nữ hoàng cung 500mg                                                                                                                                                                                                                                                  | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam    | 6,500   |
| <b>XXVI. THUỐC ĐIỀU TRỊ GOUT</b>           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Allopurinol Stella 300 mg             | Allopurinol 300 mg                                                                                                                                                                                                                                                         | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam    | 1,300   |
| 2                                          | Hornol                                | Cytidin monophosphat disodium 5mg; Uridin monophosphat disodium 3mg                                                                                                                                                                                                        | Viên | H/30v  | Uống | Pháp        | 6,000   |
| 3                                          | Opedulox 40mg                         | Febuxostat 40mg                                                                                                                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam    | 9,000   |
| 4                                          | Colchicine 1mg                        | Colchicine 1mg                                                                                                                                                                                                                                                             | Viên | H/20v  | Uống | Việt Nam    | 1,500   |
| 5                                          | Febustad 40mg                         | Febuxostat 40mg                                                                                                                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam    | 16,000  |
| <b>XXVII. LỢI TIỂU</b>                     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Urostad stella 40 mg                  | Furosemid 40mg                                                                                                                                                                                                                                                             | Viên | H/50v  | Uống | Việt Nam    | 500     |
| 2                                          | Acetazolamid 250 mg                   | Acetazolamid 250 mg                                                                                                                                                                                                                                                        | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam    | 1,500   |
| 3                                          | Kaleorid 600 mg                       | Kaleorid 600 mg                                                                                                                                                                                                                                                            | Viên | H/30v  | Uống | Việt Nam    | 4,000   |
| <b>XXVIII.THUỐC DÙNG CHO MŨI</b>           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Xisat Adult                           | Tính khiết từ thiên nhiên ở độ sâu 450m so với mực nước biển                                                                                                                                                                                                               | Chai | Chai   | Xịt  | Việt Nam    | 34,000  |
| 2                                          | Xisat Kid                             | Tính khiết từ thiên nhiên ở độ sâu 450m so với mực nước biển                                                                                                                                                                                                               | Chai | Chai   | Xịt  | Việt Nam    | 35,000  |
| 3                                          | Benita                                | Budenoside                                                                                                                                                                                                                                                                 | Chai | Chai   | Xịt  | Việt Nam    | 100,000 |
| <b>XXIX. THỰC PHẨM CHỨC NĂNG</b>           |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Glucosamin HCl 1500mg With MSM 1500mg | Glucosamin HCl 1500mg With MSM 1500mg                                                                                                                                                                                                                                      | Viên | H/375v | Uống | Mỹ          | 4,000   |
| 2                                          | Glucosamine Chondroitin               | Glucosamin 1500, chondroitin 1200                                                                                                                                                                                                                                          | Viên | H/220v | Uống | Mỹ          | 4,000   |
| 3                                          | Fish oil                              | Omega 3                                                                                                                                                                                                                                                                    | Viên | H/400v | Uống | Mỹ          | 2,000   |
| 5                                          | Ginkgo biloba 80                      | Ginkgo biloba extract 80 mg                                                                                                                                                                                                                                                | Viên | H/100v | Uống | Việt Nam    | 1,200   |
| <b>XXX.THUỐC ĐIỀU TRỊ LOÃNG XƯƠNG</b>      |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Fosamax Plus 70mg/2800IU              | Alendronic acid 70mg/ colecalciferol 2800 IU                                                                                                                                                                                                                               | Viên | H/4v   | Uống | Tây Ban Nha | 120,000 |
| 2                                          | Fosamax Plus 70mg/5600IU              | Alendronic acid 70mg/ colecalciferol 5600 IU                                                                                                                                                                                                                               | Viên | H/4v   | Uống | Tây Ban Nha | 158,000 |
| <b>XXXI. SẢN PHẨM KHÁC</b>                 |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |
| 1                                          | Piascledine 300                       | Avocado and unsaponifiable fractions                                                                                                                                                                                                                                       | Viên | H/15V  | Uống |             | 16,000  |
| <b>XXXII. PHỤ KHOA</b>                     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |        |      |             |         |

|                                                   |                         |                                                                              |         |            |      |            |           |
|---------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|------|------------|-----------|
| 1                                                 | Neo Penotran            | Metronidazol 50 mg, Miconazol 100 mg                                         | Viên    | H/14v      | Đặt  | Thổ Nhĩ Kỳ | 15,000    |
| 2                                                 | Mercilon                | 20 mcg ethinylestradiol, 150mcg desogestrel                                  | Viên    | H/21v      | Uống | Pháp       | 110,000   |
| 3                                                 | Marvelon                | Desogestrel 0.15mg, Ethinyl estradiol 0.03mg                                 | Viên    | H/21v      | Uống | Hà Lan     | 92,000    |
| 4                                                 | Orgametril              | Lynestrenol 5mg                                                              | Viên    | H/30v      | Uống | Hà Lan     | 2,500     |
| 5                                                 | Polygynax               | Polymycin sulfate 35.000 UI, Nystatin 100.000 UI, Neomycin sulfate 35.000 UI | Viên    | H/12v      | Đặt  | Pháp       | 13,000    |
| 6                                                 | Gynoflo                 | Estriol, Lactobacillus acidophilus                                           | Viên    | H/6v       | Đặt  | Đức        | 30,000    |
| 7                                                 | Daikyn                  | Estrisol                                                                     | Viên    | H/15v      | Đặt  | Moldova    | 19,000    |
| 8                                                 | Benostan RTRO-V         | Acid Pantothenic (Vitamin B5), Vitamin E (Alpha Tocopherol), Acid Lactic     | Hộp     | Hộp/ 1tuyp | Đặt  | Hy Lạp     | 383,000   |
| 9                                                 | Vulvovagi               | Ozoile, Glycyrrhetic Acid, Dầu lá trà trà (Melaleuca Alternifolia)           | Ống xịt | Ống xịt    | Xịt  | Ý          | 1,750,000 |
| 8                                                 | Albothyl                | Policresulen 90mg                                                            | Viên    | H/6v       | Đặt  | Đức        | 17,000    |
| <b>XXXIII. NHÓM GIẢN CƠ VÀ TĂNG TRƯỞNG LỰC CƠ</b> |                         |                                                                              |         |            |      |            |           |
| 1                                                 | Waisan 50 mg            | Eperison hydroclorid 50 mg                                                   | Viên    | H/100v     | Uống | Việt Nam   | 1,500     |
| 2                                                 | Mydocalm 50mg           | Tolperison Hydrochloric 50mg                                                 | Viên    | H/30v      | Uống | Việt Nam   | 3,000     |
| <b>XXXV. NHÓM THUỐC THẦN KINH</b>                 |                         |                                                                              |         |            |      |            |           |
| 1                                                 | Nootropil 800           | Piracetam 800 mg                                                             | Viên    | H/45v      | Uống | Singapore  | 5,500     |
| 2                                                 | Neurontin 300 mg        | Gabapentine 300 mg                                                           | Viên    | H/100v     | Uống | Đức        | 13,500    |
| 3                                                 | Nudipyl 800 mg          | Piracetam 800 mg                                                             | Viên    | H/60v      | Uống | Việt Nam   | 2,000     |
| 4                                                 | Tanganil 500mg          | Acetyl-DL-Leucine 500 mg                                                     | Viên    | H/30v      | Uống | Pháp       | 6,000     |
| 5                                                 | Neucotic                | Gabapentine 300 mg                                                           | Viên    | H/30v      | Uống | Việt Nam   | 4,500     |
| 6                                                 | Betaserc 16mg           | Betahistin dihydroclorid 16 mg                                               | Viên    | H/60v      | Uống | Pháp       | 4,500     |
| 7                                                 | Amitriptylin 25mg       | Amitriptylin 25mg                                                            | Viên    | H/100v     | Uống |            | 1,000     |
| 8                                                 | Fluzinstad 5mg          | Flunarizine 5 mg                                                             | Viên    | H/100v     | Uống | Việt Nam   | 1,600     |
| <b>XXXVII. NHÓM THUỐC KHÁNG NẤM - VIRUS</b>       |                         |                                                                              |         |            |      |            |           |
| 1                                                 | Acyclovir 800mg         | Acyclovir 800 mg                                                             | Viên    | H/35v      | Uống | Việt Nam   | 5,000     |
| 2                                                 | Fluconazol Stella 150mg | fluconazol 150 mg                                                            | Viên    | H/1v       | Uống | Việt Nam   | 13,000    |
| 3                                                 | Piza 6                  | Ivermectin 6mg                                                               | Viên    | H/4v       | Uống | Việt Nam   | 50,000    |
| 4                                                 | Forlen 600mg            | Linezolid 600 mg                                                             | Viên    | H/20v      | Uống | Việt Nam   | 22,000    |
| 5                                                 | Hepbest 25mg            | Tenofovir 25mg                                                               | Viên    | H/30V      | Uống | Ấn Độ      | 35,000    |
| 6                                                 | Tefostad 300mg          | Tenofovir 300 mg                                                             | Viên    | H/30V      | Uống | Việt Nam   | 4,700     |